

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HS-ST
Ngày 17/7/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô Hữu Ha**

2. Ông **Thiều Phước An**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyên** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 45/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2026, về tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2026 đối với các bị cáo:

1/. Bạch Thanh L (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 19 tháng 12 năm 1999 tại xã T, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; CCCD: 092099001204, cấp ngày (không rõ ghi ngày tháng năm), nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C; Chức vụ: Đảng; Chính quyền; Đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Bạch Thanh T; Sinh năm: 1975 và bà Trần Thị B; Sinh năm: 1983; A, chị em ruột có 03 người, lớn nhất là bị cáo và nhỏ nhất sinh năm 2010; Vợ tên Ngô Thị Ngọc Q, sinh năm 2004 (chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) và có 01 người con sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên, Ngày 18/3/2026, bị Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, xử phạt 05 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 15/2026/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2, Công an tỉnh A, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/. La Hoàng H (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 07 tháng 8 năm 1999 tại xã V, thành phố Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp T, xã V, thành phố Cần Thơ; CCCD: 092099008361, cấp ngày 12/04/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C; Chức vụ: Đảng; Chính quyền; Đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông La Hoàng D, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1972; Chị em ruột có 03 người, lớn nhất là sinh năm 1993 và nhỏ nhất là bị cáo; Vợ tên Nguyễn Thị Bích T2, sinh năm 1995 (chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn), con: chưa có;

- Tiền án:

+ Ngày 10/12/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, theo Bản án số 42/2020/HS-ST; chấp hành án tại Trại giam C1, chấp hành xong ngày 15/3/2022; chưa được xóa án tích.

+ Ngày 15/02/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo Bản án số 03/2023/HS-ST; chấp hành án tại Trại giam M, chấp hành xong ngày 25/01/2025; chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không có.

Tuy nhiên, Ngày 28/01/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 14 tháng, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2, Công an tỉnh A, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/. Nguyễn Minh L1 (Tên gọi khác: Tư Đ), sinh ngày 01 tháng 01 năm 1992 tại xã N, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: số nhà D, tổ I, ấp N, xã N, tỉnh An Giang; CCCD: 091092000318, cấp ngày 07/4/2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C; Chức vụ: Đảng; Chính quyền; Đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1960; Chị em ruột có 04 người, lớn nhất là sinh năm 1981 và nhỏ nhất sinh năm 1995; Vợ, con: chưa có;

Tiền sự: Ngày 09/01/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng; chấp hành xong ngày 21/9/2024.

Tiền án: Không có.

Tuy nhiên: Ngày 26/11/2015, bị Tòa án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 68/2015/HSST; đã chấp hành xong toàn bộ bản án, được xóa án tích.

Ngày 24/02/2026, bị Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xử phạt 07 năm tù về tội “*Hiếp dâm*” theo Bản án số 08/2026/HS-ST (Bản án bị kháng cáo chưa xét xử phúc thẩm).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2, Công an tỉnh A, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trần Hoàng H** – Thuộc đoàn luật sư tỉnh A (Có mặt).

4/ Võ Ngọc S, sinh ngày 06/01/2006 tại: xã H, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: ấp K, xã H, tỉnh An Giang; CCCD: 091206016824, cấp ngày 10/08/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C; Chức vụ: Đảng; Chính quyền; Đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc Tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Võ Quốc K; Sinh năm: 1978 (chết) và Lê Thị Đ1; Sinh năm: 1977; A, chị em ruột có 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2014; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không.

Tuy nhiên, Ngày 17/6/2026, bị Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 35/2026/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2026 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 2, Công an tỉnh A, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trần Thanh T4** – Thuộc đoàn luật sư tỉnh A (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Phân trại tạm giam Giồng Riềng, Cơ sở 1 – Trại giam S1 – Công an tỉnh A.**

Người đại diện: Ông **Nguyễn Văn T5** – Chức vụ: Phân trại trưởng.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, tỉnh An Giang (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

- Chị **Võ Kim T6**, sinh năm 2003 (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã H, tỉnh An Giang

- Chị **Tôn Thị Mỹ T7**, sinh năm 1994 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã N, tỉnh An Giang

- Anh **Võ Văn L2**, sinh năm 1995 (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp V, xã N, tỉnh An Giang

Người làm chứng: Anh **Huỳnh Nhật T8**, sinh năm 2005; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Giồng Riềng - Cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh A, Nguyễn Minh L1, Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S được bố trí tạm giam chung tại buồng giam số 03. Trong quá trình ở tại buồng giam, S và L đùa giỡn với nhau trong buồng giam và phát hiện tường bị bộp. Đến tối ngày 03/01/2026, L phát hiện một vị trí tường có phần xi măng bong tróc, khi tác động có dấu hiệu bộp, có thể đục khoét để tạo lối thoát ra ngoài nên nảy sinh ý định trốn khỏi nơi giam giữ L khởi xướng việc đục khoét tường tường để bỏ trốn và chủ động hỏi L1 và chỉ tay về hướng bức tường bị hỏng. Sau đó, H1 từ trong buồng đi ra nghe câu chuyện giữa L1 và L nên H1 cũng đồng ý tham gia, sau đó H1 nói với L1 là “*nếu trốn ra được thì sẽ cho L1 số tiền 5.000.000đ*” thì L1 đồng ý.

Để thực hiện, các bị cáo bàn bạc, thống nhất lấy vật liệu có sẵn trong buồng giam làm công cụ. L1 lấy mềm màu xanh của H1, buộc 2 đầu cái mềm vào hai bên lam gió cho L leo lên dùng chân đạp thì ống lam gió bị nứt và tróc một phần lớp xi măng nhưng chưa lấy được thanh sắt nên L dừng lại. L leo dùng tay cầm miếng kim loại bẻ trước đó đục khoét thì cây sắt thì cây sắt ở ống lam gió lộ ra thì L dùng tay bẻ cây sắt gãy làm hai và đưa lại cho H1, sau đó L, L1 và H1 mang ra chuồng cạp phía trước mài một đầu để tạo mũi nhọn, một đầu bẻ cong thành dạng chữ “L” và dùng vải màu vàng quấn ở phần tay cầm “L” để dễ cầm nắm khi đục, cạy, nạy tường, trong quá trình L và L1 mài sắt thì H1 chuyển sang đánh bo, hát tạo tiếng ồn.

Sau khi chuẩn bị được công cụ, các bị cáo lợi dụng thời điểm cán bộ quản giáo không trực tiếp kiểm tra bên trong buồng giam để đục khoét tường. Sau mỗi lần thực hiện, các bị cáo gom gạch, xi măng, bê tông vụn vào sát chân tường, dùng chiếu và các vật dụng trong buồng giam che khuất vị trí tường đã bị đục, không để cán bộ quản giáo phát hiện khi đi ngang hoặc kiểm tra từ bên ngoài. Hai thanh kim loại được cất giấu tại khu vực cửa chuồng cạp và lam gió phía trên bồn nước để tiếp tục sử dụng vào những lần đục khoét sau.

Từ khoảng ngày 03/01/2026 đến ngày 08/01/2026, các bị cáo nhiều lần đục khoét tường buồng giam số 03. Trong quá trình này, Bạch Thanh L trực tiếp dùng thanh kim loại đục khoét tường, tham gia tạo lối thoát trên tường buồng giam; L3 tham gia lấy, mài, quấn vải vào thanh kim loại, trực tiếp dùng thanh kim loại đục khoét tường và có lúc tạo tiếng động để che giấu việc đục tường; Nguyễn Minh L1 tham gia bàn bạc, hát và gõ vào vỏ thùng nước suối để che lấp tiếng thanh kim loại

tác động vào tường, đồng thời có lúc trực tiếp tham gia đục khoét; Võ Ngọc S đứng gần khu vực cửa buồng giam quan sát, canh cán bộ quản giáo để các bị cáo khác thực hiện việc đục tường.

Đến khoảng 18 giờ ngày 08/01/2026, các bị cáo đã đục lấy được phần gạch bên trong tường, chỉ còn lại lớp xi măng phía ngoài. Khoảng 21 giờ cùng ngày, các bị cáo tiếp tục bàn bạc, thống nhất đến khuya sẽ đục phá phần còn lại để trốn khỏi nơi giam giữ. Khoảng 01 giờ ngày 09/01/2026, tại buồng giam số 03, La H gọi Nguyễn Minh L1 dậy; Nguyễn Minh L1 tiếp tục gọi Bạch Thanh L và Võ Ngọc S dậy. Sau đó, L1, L, H1 tiếp tục sử dụng 02 thanh kim loại đã chuẩn bị để nạy, đục lớp xi măng còn lại, tạo thành lỗ thủng đủ để người chui qua.

Khi tường bị đục thủng, Bạch Thanh L là người chui ra ngoài trước, tiếp theo là Nguyễn Minh L1, La H và cuối cùng là Võ Ngọc S. Sau khi ra khỏi buồng giam số 03, các bị cáo đi về hướng dãy buồng giam số 12 đến số 18. Khi đến khu vực buồng giam số 14, Nguyễn Minh L1 kêu La Hoàng H1 ngồi xuống để Bạch Thanh L đứng lên vai leo lên mái buồng giam; sau đó lần lượt Nguyễn Minh L1, Võ Ngọc S leo lên, còn La Hoàng H1 được các bị cáo kéo lên sau cùng. Các bị cáo tiếp tục di chuyển trên mái tol về hướng buồng giam số 18, leo xuống đất, vượt qua hàng rào bằng tol thiếc, đi ra hướng ruộng và trốn khỏi Phân trại tạm giam Giồng Riềng - Cơ sở 1.

Sau khi ra khỏi Phân trại tạm giam, Nguyễn Minh L1 hướng dẫn mọi người ra đường lộ và dẫn Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S đến nhà Võ Văn L2 (B) tại xã N, tỉnh An Giang để được ở nhờ và L1 dặn L, H1, S nếu L2 hỏi thì nói là đi biển, xảy ra mâu thuẫn với chủ ghe nên bị đuổi. Do không biết các bị cáo vừa trốn khỏi nơi giam giữ, Võ Văn L2 đồng ý cho ở nhờ. Sáng ngày 09/01/2026, Nguyễn Minh L1 mượn điện thoại của Võ Văn L2 đưa cho Võ Ngọc S gọi điện cho chị ruột là Võ Kim T6 để xin số tiền 2.000.000 đồng (vì trước đó S đề xuất sẽ điện thoại về nhà xin tiền cho mọi người ăn uống khi trên đường về nhà L2). Sau đó, L1 đến tiệm điện thoại “Thoại” ở khu vực chợ N để nhận tiền do Võ Kim T6 chuyển vào tài khoản của Tôn Thị Mỹ T7. Số tiền nhận được, L1 đưa cho Võ Văn L2 1.000.000 đồng để lấy điện thoại đang sửa tại tiệm “Thoại”; số tiền còn lại L1 sử dụng để mua thức ăn và trả tiền xe Honda ôm cho L1, L, S đi về nhà của Lân đồng T9 có hẹn gặp nhau tại cầu H thuộc ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, khi đến cầu H thì L1 và S không gặp được L nên S đi xe ôm về nhà còn L1 thì quay về nhà L2 nhưng khi đến nhà L2 thì nghe hàng xóm nói L2 bị Công an xã mời L2 lên làm việc nên L1 bắt xe ôm đi về C, thành phố Cần Thơ.

Cùng ngày 09/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” và ra quyết định truy

nã đối với Nguyễn Minh L1, Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S. Chiều ngày 09/01/2026, Võ Ngọc S đến Công an xã H, tỉnh An Giang đầu thú; Bạch Thanh L bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A bắt giữ ngày 09/01/2026. Ngày 10/01/2026, Nguyễn Minh L1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đầu thú. Ngày 13/01/2026, La Hoàng H1 đến Công an xã C, thành phố Cần Thơ đầu thú.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định tại buồng giam số 03 có lỗ tường bị đục thủng; tại hiện trường thu giữ 02 thanh kim loại dạng chữ “L”, một đầu nhọn, một đầu quần vải và chỉ màu vàng làm cán; 01 khoen kim loại bị gãy; 03 đoạn dây chỉ màu vàng; 01 mảnh vải màu vàng và các đồ vật có liên quan. Các dấu vết, vật chứng thu giữ phù hợp với lời khai của các bị cáo về việc lấy thanh kim loại từ ô thông gió, cải tạo thành công cụ, dùng để đục khoét tường buồng giam và trốn khỏi nơi giam giữ.

**** Về thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:***

Cơ quan điều tra đã thu giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan đến vụ án, gồm:

- 02 thanh kim loại dạng chữ “L”, một đầu nhọn, một đầu quần vải và chỉ màu vàng làm cán;

- 01 khoen kim loại bị gãy;

- 03 đoạn dây chỉ màu vàng;

- 01 mảnh vải màu vàng.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s, quá trình điều tra xác định là tài sản của Võ Văn L2, được Nguyễn Minh L1 mượn để liên lạc sau khi các bị cáo đã trốn khỏi nơi giam giữ, không phải công cụ trực tiếp dùng để đục tường hoặc thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam giữ. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại nêu trên cho chủ sở hữu.

- Đối với 01 vỏ bình nước suối và 01 võng bằng vải tự chế, kết quả điều tra xác định các đồ vật này có liên quan đến quá trình thực hiện hành vi. Tuy nhiên, do quá trình vệ sinh, di dời, chuyển cơ quan nên các đồ vật này bị thất lạc, không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT-VKSKV5 ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang đã truy tố các bị cáo Bạch Thanh L, La Hoàng H1, Nguyễn Minh L1 và Võ Ngọc S đã phạm vào tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Bạch Thanh L, La Hoàng H1, Nguyễn Minh L1 và Võ Ngọc S đã phạm vào tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **La Hoàng H1** từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 17 Bộ luật Hình, xử phạt bị cáo **Bạch Thanh L** 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt 05 (năm) năm tù của bản án số 15/2026/HS-ST ngày 18/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh L1** từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 386; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 17 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Võ Ngọc S** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 35/2026/HS-ST ngày 17/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm: 02 thanh kim loại dạng chữ “L”, 01 khoen kim loại bị gãy, 03 đoạn dây chỉ màu vàng và 01 mảnh vải màu vàng, đây là công cụ, đồ vật liên quan trực tiếp đến hành vi đục tường trốn khỏi nơi giam giữ

+ Ghi nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đã trao trả cho chủ sở hữu Võ Văn L2 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s, quá trình điều tra xác định là tài sản của Võ Văn L2, được Nguyễn Minh L1 mượn để liên lạc sau khi các bị cáo đã trốn khỏi nơi giam giữ, không phải công cụ trực tiếp dùng để đục tường hoặc thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam giữ.

** Trách nhiệm dân sự:*

- Quá trình điều tra xác định việc các bị cáo Nguyễn Minh L1, Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S đục tường buồng giam số 03 đã gây hư hỏng tại Phân trại tạm giam Giồng Riềng - Cơ sở 1. Tuy nhiên, qua làm việc với ông Nguyễn Văn T5 đại diện Phân trại tạm giam Giồng Riềng, thiệt hại do các bị cáo gây ra được xác định là không đáng kể; Phân trại tạm giam Giồng Riềng không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

- Đối với số tiền 2.000.000đ mà chị Võ Kim T6 đã chuyển vào tài khoản của chị Tôn Thị Mỹ T7 mà bị cáo S đã yêu cầu, sau khi chị T6 biết việc S đã trốn khỏi nơi giam giữ và đã vận động S về nhà và đưa S đến Công an xã H đầu thú và đối với số tiền mà chị T6 đã chuyển mà L1 nhận chị T6 không yêu cầu các bị cáo trả lại nên không xem xét.

- Đối với chị Tôn Thị Mỹ T7 khi giao tiền cho L1 không biết L1 đã trốn khỏi nơi giam giữ nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị T7

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận về quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T6 không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến phát biểu của luật sư Trần Thanh T4 người bào chữa cho bị cáo S có ý kiến trình bày như sau: Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố bị cáo Võ Ngọc S về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội nên luật sư hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đang bị bệnh, sức khỏe yếu, bị cáo là lao động chính gia đình, ngoài ra sau khi trốn ra ngoài sau đó bị cáo đã đến Công an xã H đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị cũng đã đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo S thống nhất theo ý kiến phát biểu bào chữa của luật sư T4 và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến phát biểu của luật sư Trần Hoàng H người bào chữa cho bị cáo L1 có ý kiến trình bày như sau: Về tội danh mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố bị cáo Nguyễn Minh L1 về tội “Trốn khỏi nơi giam, giữ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội nên luật sư hoàn toàn thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, về phần hình phạt cũng mong HĐXX xem xét: Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi trốn ra ngoài sau đó bị cáo đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh A đầu thú về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có hạn chế về nhận thức; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị cũng đã đủ thể hiện tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Bị cáo L1 thống nhất theo ý kiến phát biểu bào chữa của luật sư H và không bổ sung gì thêm.

Các bị cáo được nói lời nói sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh L2, chị T7, anh T5 vắng mặt và có đơn xin vắng mặt còn người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai nên căn cứ vào Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu cũng như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- An Giang. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định:

Khoảng 01 giờ ngày 09/01/2026, Nguyễn Minh L1, Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S đang bị tạm giam tại buồng giam số 03, Phân trại tạm giam G - Cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 2 Công an tỉnh A đã thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam giữ. Trước đó, các bị cáo đã bàn bạc, lấy 02 thanh kim loại từ ô thông gió trong buồng giam, mài nhọn, bẻ cong, quấn vải làm công cụ để đục khoét tường. Trong quá trình thực hiện, L và H1, L1 trực tiếp dùng thanh kim loại đục tường; Ngoài ra, H1, L1 tạo tiếng động nhằm che giấu tiếng đục tường và hướng dẫn đường đi sau khi ra khỏi khu giam giữ; Võ Ngọc S canh cán bộ quản giáo. Sau nhiều ngày thực hiện, các bị cáo đục thủng tường buồng giam, lần lượt chui ra ngoài, hỗ trợ nhau leo lên mái buồng giam, vượt qua hàng rào tol và trốn khỏi Phân trại tạm giam. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự thống nhất ý chí, có chuẩn bị công cụ, có phân công vai trò, có phối hợp thực hiện, thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự thì:

“ 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;....”

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai nhận tại phiên toà. Như vậy, hành vi của các bị cáo L, H1, L1, S đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”. Do đó, có cơ sở kết luận cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-An Giang truy tố các bị cáo tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với hành vi của chị Võ Kim T6 biết việc S đã trốn khỏi nơi giam giữ và nhờ chuyển số tiền 2.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó chị T6 đã vận động S về nhà và đưa S đến Công an xã H đầu thú; do đó, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị T6.

Đối với anh Võ Văn L2, kết quả điều tra xác định Nguyễn Minh L1 đưa các bị cáo đến nhà anh L2 và anh L2 không biết các bị cáo vừa trốn khỏi nơi giam giữ, đồng ý cho ở nhờ và cho mượn điện thoại để liên lạc. Vì vậy, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh L2 trong vụ án này.

Đối với chị Tôn Thị Mỹ T7, là người nhận tiền do chị Võ Kim T6 chuyển theo yêu cầu của nhóm bị cáo nhưng không biết rõ mục đích của việc chuyển tiền là phục vụ việc các bị cáo trốn khỏi nơi giam giữ, nên không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị T7.

Đối với trách nhiệm của cán bộ quản lý giam giữ thuộc Phân trại tạm giam Giồng Riềng - Cơ sở 1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh A chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao để tiếp tục điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

3.1. Đối với hành vi của bị cáo L là người trực tiếp chủ động, khởi xướng đồng thời phát hiện bức tường ở gần cửa buồng giam số 3 bên trái bị bóp, tróc xi măng nên L đã rủ rê L1 đục tường trốn. Ngoài ra, L là người trực tiếp bê thanh kim loại từ ô thông gió trong buồng giam để cùng H1, L1 mài tạo thành dụng cụ đục tường và bị cáo tham gia cùng các bị cáo H1 và L1 đục tường nhiều ngày nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án.

3.2. Đối với bị cáo H1 sau khi nghe L và L1 nói chuyện việc đục tường trốn thì bị cáo nghe và đồng ý đồng thời bị cáo còn hứa hẹn cho L1 số tiền 5.000.000đ nếu trốn ra ngoài được. Bên cạnh đó, H1 còn cùng L1, L thay phiên nhau mài cây sắt (dụng cụ) và đục tường cho đến khi hoàn thành, ngoài ra bị cáo còn dùng lời

nói uy hiếp tinh thần S nếu không cùng bỏ trốn sẽ dùng dây trói tay lại (nhưng chưa thực hiện) nên trong vụ án này H1 giữ vai trò là người giúp sức, thực hành tích cực, ngoài ra bị có tiền án chưa được xóa án tích mà vẫn tiếp tục phạm tội.

3.3. Đối với bị cáo L1 với vai trò tham gia bàn bạc, hát và gõ vào vỏ thùng nước suối để che lấp tiếng thanh kim loại tác động vào tường và có lúc trực tiếp tham gia đục khoét tường cùng L1, H1. Ngoài ra, sau khi trốn khỏi nơi giam giữ L1 là người hướng dẫn H1, L, S đến nhà L2 (bạn L1) để nghỉ tạm và L1 còn đưa ra thông tin gian dối để L2 không phát hiện. Bên cạnh đó, L1 còn lên kế hoạch mượn điện thoại của L2 cho S điện thoại về gia đình xin tiền để phục vụ nhu cầu sinh hoạt cho các bị cáo nên trong vụ án này L1 cũng giữ vai trò là người giúp sức, thực hành tích cực.

3.4. Đối với bị cáo S sau khi nghe các bị cáo rủ ghê đục tường bỏ trốn thì đồng ý, tuy bị cáo không trực tiếp đục tường hay mài dụng cụ cùng H1, L1 và L1 nhưng bị cáo tham gia canh giữ cán bộ quản giáo trong thời gian L, L1 và H1 thực hiện hành vi phạm tội, ngoài ra S là người trực tiếp liên hệ xin tiền gia đình theo yêu cầu của L1 để làm chi phí cho các bị cáo nên S giữ vai trò là người giúp sức thứ yếu.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của các cơ sở giam giữ, đến chế độ quản lý giam giữ phạm nhân, gây tâm lý xấu đến các phạm nhân và dư luận xã hội. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được mình là bị can đang bị tạm giam tại cơ sở giam giữ mà trốn khỏi nơi giam giữ là vi phạm pháp luật nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trốn khỏi nơi giam, giữ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 386 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

4.1. Về tình tiết tăng nặng:

+ Đối với bị cáo La Hoàng H1 có 02 tiền án nhưng chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

+ Đối với các bị cáo Bạch Thanh L, Nguyễn Minh L1 và Võ Ngọc S không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Tuy nhiên, mặc dù các bị cáo chưa có tiền án nhưng

năm 2026 các bị cáo đã bị Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang xử phạt các hành vi phạm tội khác nên các bị cáo đều có nhân thân xấu.

4.1. Về tình tiết giảm nhẹ:

+ Đối với các bị cáo La Hoàng H1, Nguyễn Minh L1 và Võ Ngọc S trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra các bị cáo còn đầu thú về hành vi phạm tội của mình nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

+ Đối với bị cáo Bạch Thanh L trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[5]. Căn cứ vào tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo L, H1, L1 và S ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Ngoài ra, bị cáo L đang chấp hành án phạt tù 05 năm của Bản án số 15/2026/HSST ngày 18/3/2026 của TAND khu vực 5- An Giang và bị cáo S đang chấp hành án phạt tù 03 năm 03 tháng của Bản án số 35/2026/HSST ngày 17/6/2026 của TAND khu vực 5- An Giang nên cần tổng hợp với hình phạt của bản án lần này để buộc các bị cáo chấp hành chung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận đề xem xét.

[7] Xét ý kiến bào chữa của luật sư T4 và Luật sư H là có căn cứ pháp luật nên HĐXX ghi nhận.

[8] Về đánh giá vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với 02 thanh kim loại dạng chữ “L”, một đầu nhọn, một đầu quần vải và chỉ màu vàng làm cán; 01 khoen kim loại bị gãy; 03 đoạn dây chỉ màu vàng; 01 mảnh vải màu vàng đây là công cụ, đồ vật liên quan trực tiếp đến hành vi đục tường trốn khỏi nơi giam giữ, hiện nay không còn giá trị sử dụng nên cần xử tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s, quá trình điều tra xác định là tài sản của Võ Văn L2, được Nguyễn Minh L1 mượn để liên lạc sau khi các bị can đã trốn khỏi nơi giam giữ, không phải công cụ trực tiếp dùng để đục tường

hoặc thực hiện hành vi trốn khỏi nơi giam giữ. Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại nêu trên cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Đối với 01 vỏ bình nước suối và 01 võng bằng vải tự chế, kết quả điều tra xác định các đồ vật này có liên quan đến quá trình thực hiện hành vi. Tuy nhiên, do quá trình vệ sinh, di dời, chuyển cơ quan nên các đồ vật này bị thất lạc, không thu giữ được nên HĐXX không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị cáo Nguyễn Minh L1, Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S đục tường buồng giam số 03 đã gây hư hỏng tại Phân trại tạm giam Giồng Riềng - Cơ sở 1. Tuy nhiên, qua làm việc với ông Nguyễn Văn T5 đại diện Phân trại tạm giam Giồng Riềng xác định thiệt hại do các bị cáo gây ra được xác định là không đáng kể nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét.

- Đối với số tiền 2.000.000đ mà chị T6 đã chuyển khoản cho chị T7 và L1 là người nhận đem về tiêu xài chung cho các bị cáo, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chị T6 xác định không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền này nên HĐXX không xem xét.

[10] Về án phí: Xử buộc các bị cáo Nguyễn Minh L1, Bạch Thanh L, La Hoàng H1 và Võ Ngọc S phải có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386, điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56, Điều 17, Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tuyên bố bị cáo **Bạch Thanh L** phạm tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”.

Xử phạt bị cáo **Bạch Thanh L** 04 (B1) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 05 (năm) năm tù của Bản án số 15/2026/HSST ngày 18/3/2026 của TAND khu vực 5-An Giang, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung là 09 (Chín) năm tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10/9/2025.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tuyên bố bị cáo **La Hoàng H1** phạm tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”.

Xử phạt bị cáo **La Hoàng H1** 04 (B1) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 13/01/2026.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Minh L1 (T)** phạm tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh L1 (Tư Đường)** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10/01/2026.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 386, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, khoản 2 Điều 56 và Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tuyên bố bị cáo **Võ Ngọc S** phạm tội “*Trốn khỏi nơi giam, giữ*”.

Xử phạt bị cáo **Võ Ngọc S** 03 (ba) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù của Bản án số 35/2026/HSST ngày 17/6/2026 của TAND khu vực 5- An Giang, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung là 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10/11/2025.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xử:

Tịch thu tiêu hủy 02 thanh kim loại dạng chữ “L”, một đầu nhọn, một đầu quần vãi và chỉ màu vàng làm cán; 01 khoen kim loại bị gãy; 03 đoạn dây chỉ màu vàng; 01 mảnh vải màu vàng đây là công cụ, đồ vật liên quan trực tiếp đến hành vi đục tường trốn khỏi nơi giam giữ, hiện nay không còn giá trị sử dụng.

Vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5- An Giang đang quản lý theo quyết định chuyển giao vật chứng số: 39/QĐ-VKSKV5 ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Bạch Thanh L, La Hoàng H1, Nguyễn Minh L1 và Võ Ngọc S mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Bạch Thanh L, La Hoàng H1, Nguyễn Minh L1 và Võ Ngọc S; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị T6 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phân trại tạm giam Giồng Riềng - Cơ sở 1, chị T7, anh L2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Sở tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSNDKV5-An Giang;
- Công An tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 5- An Giang;
- Bị cáo, NCQLNVLQ và luật sư;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên Tòa

Lữ Cẩm Nhung